

Bản án số: 06/2026/DS-ST

Ngày: 12 - 01 - 2026

V/v “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 8 – VĨNH LONG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Rên

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Hồng Vân

2. Bà Huỳnh Thị Bích Vân

- Thư ký phiên tòa: Bà Phan Thị Kim Loan – Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 8 – Vĩnh Long.

Ngày 12 tháng 01 năm 2026 tại Trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 8 - Vĩnh Long xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 370/2025/TLST-DS ngày 26 tháng 11 năm 2025 về việc “*tranh chấp hợp đồng vay tài sản*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 306/2025/QĐST-DS ngày 29 tháng 12 năm 2025 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1965

Địa chỉ: số B, ấp T, xã B, tỉnh Vĩnh Long (Địa chỉ trước đây: số 246/TQ, ấp T, xã B, huyện B, tỉnh Bến Tre).

Người đại diện ủy quyền của nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Hoàn T, sinh năm 1998 (có mặt).

Địa chỉ: Ấp A, xã B, tỉnh Vĩnh Long.

- *Bị đơn:* Bà Trần Ngọc B, sinh năm 1981 (có mặt).

Địa chỉ: Ấp B, xã B, tỉnh Vĩnh Long (Địa chỉ trước đây: Số E T, khu phố B, thị trấn B, huyện B, tỉnh Bến Tre).

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Ông Nguyễn Tấn P, sinh năm 1979 (Có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp B, xã B, tỉnh Vĩnh Long (Địa chỉ trước đây: Số E T, khu phố B, thị trấn B, huyện B, tỉnh Bến Tre).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 08/10/2025, trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa sơ thẩm người đại diện ủy quyền của nguyên đơn bà Nguyễn Thị L là bà Nguyễn Thị Hoàn T trình bày:

Do có quan hệ họ hàng nên ngày 11/9/2023 bà Nguyễn Thị L có cho bà Trần Ngọc B vay số tiền 500.000.000 đồng để làm ăn, phát triển kinh tế gia đình. Lãi suất thỏa thuận khi vay là 1,2%/tháng. Khi vay tiền đôi bên có lập biên nhận, bà B có ký tên và đóng dấu Doanh nghiệp tư nhân K. Sau khi vay tiền bà B có đóng lãi đầy đủ cho bà L đến tháng 6/2024 với mức lãi suất 1,2%/tháng. Đến tháng 7/2024 đôi bên thỏa thuận giảm lãi còn 0,9%/tháng và bà B đóng lãi cho bà L đến tháng 12/2024 thì xin ngưng đóng lãi chỉ trả vốn, đồng thời trả được 50.000.000 đồng tiền vốn, còn thiếu lại bà L 450.000.000 đồng tiền vốn đến nay không trả thêm được số tiền nào. Vì vậy, nguyên đơn bà Nguyễn Thị L khởi kiện yêu cầu bị đơn bà Trần Ngọc B và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Tấn P có nghĩa vụ liên đới trả cho bà L số tiền nợ vay tổng cộng là 477.375.000 đồng (trong đó số tiền vay gốc 450.000.000đ, tiền lãi tính từ ngày 03/6/2025 đến ngày xét xử 12/01/2026 (là 7 tháng 9 ngày) với mức lãi suất 10%/năm, thành tiền lãi là 27.375.000 đồng). Do ông P và bà B là vợ chồng hợp pháp, bà B vay tiền trong thời kỳ hôn nhân nhằm phát triển kinh tế chung của gia đình nên bà L yêu cầu ông P phải liên đới cùng bà B trả nợ cho bà L. Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn bà L xác định nguyên đơn thay đổi ý kiến về việc yêu cầu bà B, ông P trả tiền lãi cho nguyên đơn (thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện), cụ thể là bà L có yêu cầu ông P và bà B phải liên đới trả tiền nợ lãi cho nguyên đơn vì bị đơn không có thiện chí trả đủ tiền gốc cho nguyên đơn trong giai đoạn hòa giải.

Tại bản tự khai, trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa sơ thẩm bị đơn bà Trần Ngọc B trình bày:

Bà B thừa nhận lời trình bày của nguyên đơn bà L về vấn đề vay tiền giữa bà B và bà L là đúng. Bà B có vay số tiền 500.000.000 đồng của bà L vào ngày 11/9/2023, đóng lãi đến tháng 12/2024 đúng như lời trình bày của phía bà L. Các biên nhận thể hiện nội dung nhận tiền vay 500.000.000 đồng và đóng lãi đến tháng 12/2024 do bà L cung cấp bà B có ký tên, đóng dấu. Mục đích bà B vay tiền về phát triển kinh tế gia đình. Do kinh tế khó khăn nên bà B không thực hiện đúng cam kết

đóng tiền lãi cũng như trả tiền gốc đã vay của bà L. Hiện nay bà B xác định còn thiếu bà L số tiền vay gốc, lãi như bà L trình bày, bà B đồng ý liên đới cùng ông P trả cho và L số tiền vay gốc 450.000.000 đồng và xin trả dần 3 tháng trả 20.000.000 đồng, còn tiền lãi thì xin không trả vì hiện giờ bà B, ông P gặp khó khăn trong kinh tế, không có khả năng trả một lần toàn bộ tiền vay còn thiếu cho bà L.

Tại phiên hòa giải của Tòa án, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Tấn P trình bày:

Ông P và bà B là vợ chồng, trong quá trình làm kinh tế bà B có vay tiền của bà L. Tuy nhiên về số tiền vay, thời hạn trả tiền, thỏa thuận tiền lãi như thế nào thì ông P không rõ. Nay bà L khởi kiện thì ông P thống nhất theo ý kiến của bà B vì ông P không có trực tiếp tham gia các giao dịch giữa bà L và bà B. Ông đồng ý cùng với bà B trả nợ trong phạm vi tài sản chung của vợ chồng, đồng thời ông P có đơn yêu cầu Tòa án xét xử vắng mặt ông P.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra công khai tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận, Hội đồng xét xử nhận định:

Về tố tụng:

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Tấn P có đơn yêu cầu Tòa án xét xử vắng mặt ông P. Căn cứ các Điều 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt ông Nguyễn Tấn P.

Tại phiên Tòa người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện. Cụ thể bà L yêu cầu bà B, ông P có nghĩa vụ liên đới trả số tiền lãi tính từ ngày 03/6/2025 đến ngày xét xử 12/01/2026 (là 7 tháng 9 ngày) với mức lãi suất 10%/tháng/nợ vay gốc, thành tiền lãi là 27.375.000 đồng. Xét việc thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là không vượt quá phạm vi khởi kiện ban đầu, căn cứ khoản 1 Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử chấp nhận để xem xét.

Về nội dung:

[1] Nguyên đơn bà Nguyễn Thị L yêu cầu bị đơn bà Trần Ngọc B và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Tấn P có nghĩa vụ liên đới trả cho bà L số tiền nợ vay 477.375.000 đồng (trong đó số tiền vay gốc 450.000.000đ, tiền lãi tính từ ngày 03/6/2025 đến ngày xét xử 12/01/2026 (là 7 tháng 9 ngày) với mức lãi suất

10%/năm, thành tiền lãi là 27.375.000 đồng), Hội đồng xét xử xét thấy:

Bà Trần Ngọc B thừa nhận vào ngày 11/9/2023 bà Nguyễn Thị L có cho bà Trần Ngọc B vay số tiền 500.000.000 đồng để làm ăn, phát triển kinh tế gia đình, hai bên thỏa thuận lãi suất là 1,2%/tháng. Khi vay tiền đôi bên có lập biên nhận, bà B có ký tên và đóng dấu Doanh nghiệp tư nhân K. Sau khi vay tiền bà B có đóng lãi đầy đủ cho bà L đến tháng 6/2024 với mức lãi suất 1,2%/tháng. Đến tháng 7/2024 đôi bên thỏa thuận giảm lãi còn 0,9%/tháng và bà B đóng lãi cho bà L đến tháng 12/2024 thì xin ngưng đóng lãi, chỉ trả vốn, đồng thời trả được 50.000.000 đồng tiền vốn còn thiếu lại bà L 450.000.000 đồng tiền vốn. Đây là sự thừa nhận của bị đơn là chứng cứ theo quy định tại Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự nên không cần phải chứng minh. Việc bà B xin trả dần 03 tháng trả 20.000.000 đồng và xin không phải trả tiền lãi từ ngày 03/6/2025 với mức lãi suất 10%/năm đến khi giải quyết xong vụ án, do hoàn cảnh kinh tế đang gặp khó khăn không được đại diện ủy quyền của nguyên đơn đồng ý và không có căn cứ pháp luật nên không được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2] Bà B và ông P là vợ chồng cùng làm ăn phát triển kinh tế chung. Ông P cũng thống nhất ý kiến với bà B và đồng ý với ý kiến của bà B trong việc trả nợ cho bà L. Do đó, việc bà L yêu cầu ông P, bà B có nghĩa vụ liên đới trả cho bà L số tiền nợ vay 477.375.000 đồng là có căn cứ phù hợp với các Điều 463, 466, 468 Bộ luật Dân sự năm 2015, Điều 27 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Từ nhận định trên, Hội đồng xét xử đủ căn cứ xác định: yêu cầu khởi kiện của bà L là có căn cứ, phù hợp với quy định tại các Điều 463, 466, 468 Bộ luật Dân sự năm 2015, Điều 27 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 nên được Hội đồng xét xử chấp nhận; Trên cơ sở đó, buộc bà Trần Thị B1, ông Nguyễn Tấn P có nghĩa vụ liên đới trả cho bà Nguyễn Thị L số tiền vay 477.375.000 đồng, trong đó tiền vay gốc là 450.000.000 đồng, tiền lãi tính từ ngày 03/6/2025 đến ngày xét xử 12/01/2026 là 7 tháng 9 ngày với mức lãi suất 10%/năm, thành tiền lãi là 27.375.000 đồng.

[3] Án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch: $20.000.000 \text{ đồng} + 4\% \times 77.375.000 \text{ đồng} = 23.095.000 \text{ đồng}$ do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà L được chấp nhận nên bà B1, ông P phải chịu án phí theo quy định tại khoản 1 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 147, Điều 227, 228, khoản 1 Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Các Điều 463, 466, 468 Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 27 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị L. Buộc bị đơn bà Trần Ngọc B và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Tấn P có nghĩa vụ liên đới trả cho bà Nguyễn Thị L số tiền vay còn nợ là 477.375.000 (Bốn trăm bảy mươi bảy triệu ba trăm bảy mươi lăm nghìn) đồng. Trong đó tiền vay gốc là 450.000.000 (Bốn trăm năm mươi triệu) đồng, tiền lãi là 27.375.000 (Hai mươi bảy triệu ba trăm bảy mươi lăm nghìn) đồng.

2. Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

3. Án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch: 23.095.000 (Hai mươi ba triệu không trăm chín mươi lăm nghìn) đồng, buộc bà Trần Ngọc B và ông Nguyễn Tấn P có nghĩa vụ liên đới nộp tại Thi hành án dân sự tỉnh Vĩnh Long.

Bà Nguyễn Thị L thuộc diện người cao tuổi và có đơn xin miễn nộp tạm ứng án phí và được miễn nộp tạm ứng nên không phải hoàn trả tiền tạm ứng án phí.

4. Đương sự có mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long xét xử phúc thẩm. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long xét xử phúc thẩm.

5. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7a, 7b và 9 Luật Thi

hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- *TAND tỉnh Vĩnh Long;*
- *VKSND khu vực 8 – Vĩnh Long;*
- *THADS tỉnh Vĩnh Long;*
- *Các đương sự;*
- *Lưu hồ sơ.*

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Thị Rẻn

